

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH BẤT KHẢ KHÁNG VÀ HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN TỪ MỘT SỐ BẢN ÁN

LÊ THỊ KIM OANH*

Bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản là hai chế định pháp lý cho phép miễn trừ hoặc thay đổi các cam kết trong hợp đồng khi có sự kiện bất ngờ xảy ra. Mặc dù là hai chế định độc lập nhưng khi áp dụng đều cần thoả mãn một số điều kiện giống nhau, bao gồm tính khách quan và không lường trước được. Từ việc phân tích một số bản án liên quan, bài viết chỉ ra rằng toà án còn nhầm lẫn khi áp dụng các chế định này và chưa đánh giá đầy đủ tính không lường trước được của sự kiện bất ngờ. Từ đó, đề xuất cách thức đánh giá tính không lường trước được và viện dẫn hai chế định nêu trên cho phù hợp với quy định pháp luật.

Từ khoá: Bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, hợp đồng, không lường trước được.

Ngày nhận bài: 31/8/2021; Biên tập xong: 11/12/2021; Duyệt đăng: 11/02/2022

Force majeure and changed circumstances are legal regimes to protect against existing contractual or contractual liabilities affected by supervening events. These theories, though different, share the same prerequisites, including unpredictability and objectivity of events. Based on relevant cases, the article demonstrates that there is a misunderstanding and inadequate testing of unpredictability, therefore, recommends concrete steps to justify whether an event can be foreseen and effective ways to apply the law on force majeure and changed circumstances.

Keywords: Force majeure, changed circumstances, contract, unforeseeability.

1. Nội dung bản án

1.1. Tranh chấp hợp đồng trồng rừng

Nội dung tranh chấp: Ngày 29/10/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành bản án số 43/2020/DS-PT về tranh chấp hợp đồng trồng rừng giữa nguyên đơn là Công ty lâm nghiệp P với bị đơn là ông Trần Văn C. Theo đó, Công ty lâm nghiệp P được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm đối với đất rừng sản xuất. Công ty ký hợp đồng giao khoán chu kỳ với ông C vào ngày 20/9/2018 với nội dung công ty cung cấp cây giống, phân bón và ông C bỏ công chăm sóc, bảo vệ đối với đất rừng này. Tuy nhiên, đến ngày 05/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quyết định thu hồi đất cho thuê nói trên để thực hiện dự án khai thác mỏ đá. Sau khi có quyết định này, ngày 05/11/2019 công ty đã thông báo đến ông C và đề nghị thanh lý hợp đồng giao khoán nhưng ông C không đồng ý vì bồi

thường chưa thoả đáng. Do đó, Công ty P khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chấm dứt hợp đồng với ông C.

Quan điểm của Tòa án: Ở cả hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, Tòa án đều có quan điểm thống nhất áp dụng Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015) về hoàn cảnh thay đổi cơ bản để chấm dứt hợp đồng khoán sử dụng đất trồng rừng giữa hai bên. Lý giải về căn cứ áp dụng Điều 420 BLDS, Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định rằng: “Mặc dù hợp đồng vẫn đang trong giai đoạn thực hiện, tuy nhiên do hoàn cảnh thay đổi do nguyên nhân khách quan nên Công ty lâm nghiệp P có yêu cầu chấm dứt hợp đồng..., ông Trần Văn C cũng nhất trí chấm dứt hợp đồng”¹, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P. Như vậy, Tòa án nhận định

^{*} Giảng viên Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Nghiên cứu sinh tại Khoa Luật, Đại học Nagoya, Nhật Bản

việc Nhà nước thu hồi đất mà Công ty P đang giao khoán là sự kiện khách quan và xét thấy hai bên cùng nhất trí chấm dứt hợp đồng nên đã áp dụng chế định hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

1.2. Tranh chấp hợp đồng khai thác khoáng sản

Nội dung tranh chấp: Bản án số 02/2019/KDTM-ST ngày 12/3/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng khai thác khoáng sản*” bởi Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước có nội dung như sau: Công ty cổ phần HDP ký hợp đồng hợp tác khai thác khoáng sản là mỏ đá với Công ty TNHH DB. Theo hợp đồng, Công ty DB giao cho Công ty HDP mỏ đá để khai thác trong thời hạn 05 năm, từ ngày 10/5/2011 đến ngày 10/5/2016. Giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty DB khai thác từ ngày 16/7/2009 đến ngày 16/7/2012. Sau đó Công ty DB xin gia hạn và được gia hạn thêm 02 năm đến ngày 02/8/2014. Tuy nhiên, khi công ty DB liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước để gia hạn lần tiếp theo thì không được gia hạn mà phải đóng cửa mỏ theo quy định của Thông tư mới ban hành. Nhận được thông tin này, ngày 09/6/2014 Công ty DB đã thông báo đến Công ty HDP đồng thời đề xuất hai phương án hoặc là Công ty DB sẽ hoàn trả lại chi phí cho số thời gian còn lại của giấy phép không được gia hạn tiếp hoặc Công ty HDP tiếp tục khai thác cho đến khi hết hạn hợp đồng thì phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc lập dự án thăm dò, khai thác. Tuy nhiên, Công ty HDP không có phản hồi lại. Do không được cấp phép khai thác mới, ngày 01/10/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định đóng cửa mỏ và hợp đồng giữa hai bên không thể tiếp tục thực hiện. Nguyên đơn

cho rằng việc gia hạn giấy phép khai thác hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của Công ty HDP nên khởi kiện yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Nhận định của Tòa án: Tòa án nhận định việc không được cấp phép khai thác mới và phải đóng cửa mỏ khiến cho không tiếp tục thực hiện được hợp đồng là do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nằm ngoài ý muốn của Công ty DB. Nói cách khác Tòa án nhận định sự kiện xảy ra có tính khách quan và khiến cho hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện được. Ngoài ra, Tòa viện dẫn Điều 5 hợp đồng giữa các bên có thoả thuận rõ sự thay đổi của pháp luật và các quy định của Nhà nước được liệt kê là một trong những sự kiện bất khả kháng làm căn cứ chấm dứt hợp đồng, cụ thể: “*Nếu hợp đồng không thực hiện được do sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn các thay đổi về luật, các quy định của Nhà nước... thì bên bị ảnh hưởng có quyền chấm dứt hợp đồng*”². Bên cạnh tính khách quan, Tòa án phúc thẩm cũng nhận định rằng bên bị ảnh hưởng đã thực hiện thủ tục thông báo cho phía bên kia theo đúng quy định nên đủ căn cứ để miễn trừ nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng gây ra.

2. Bình luận

2.1. Các chế định pháp lý liên quan

Việc giải quyết hai tranh chấp nói trên liên quan đến hai chế định pháp lý hợp đồng là sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi bàn luận về đường lối xét xử của Tòa án khi đánh giá các điều kiện áp dụng hai chế định trên. Vì bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản dẫn đến hệ quả giải phóng các bên khỏi nghĩa vụ hợp đồng hoặc cho phép thay đổi các cam kết trong hợp đồng để phù hợp với sự

¹ Bản án số 43/2020/DS-PT về tranh chấp hợp đồng trồng rừng ngày 29/10/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mục [2] phần NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN, tr. 6-7

² Mục [3] phần NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN Bản án số 02/2019/KDTM-ST ngày 12/3/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng khai thác khoáng sản*” của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

thay đổi của hoàn cảnh, hay nói cách khác tác động lên hiệu lực bắt buộc của hợp đồng, pháp luật quy định các điều kiện áp dụng khắt khe để tránh làm mất ổn định các quan hệ hợp đồng.

Khoản 1 Điều 156 BLDS quy định: “*Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”. Bên vi phạm chỉ được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ khi sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng³. Từ những quy định trên có thể thấy rằng chế định bất khả kháng chỉ được áp dụng khi thoả mãn đồng thời bốn điều kiện. Thứ nhất là, việc thực hiện hợp đồng trở nên không thể tiếp tục do mối quan hệ nhân quả với sự kiện bất khả kháng. Thứ hai là, sự kiện xảy ra phải có tính khách quan, nghĩa là các bên không có lỗi và không kiểm soát được sự kiện đó xảy ra. Các sự kiện khách quan có thể do tự nhiên như thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch hoặc do con người tạo nên như chiến tranh, sự thay đổi của chính sách, pháp luật⁴. Thứ ba là, các bên không lường trước được về những thay đổi đó nên không thể dự tính được một cách hợp lý khi ký kết hợp đồng. Vì luật không quy định nên thực tế còn chưa thống nhất liệu thời điểm để đánh giá lường trước được hay không là khi giao kết hợp đồng hay thời điểm trước hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng⁵. Tuy nhiên, tác giả cho rằng

đánh giá tính không lường trước được vào thời điểm ký kết hợp đồng là hợp lý hơn cả vì quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định vào thời điểm giao kết hợp đồng trên cơ sở phân tích và dự báo khả năng thực hiện trong tương lai. Đây cũng là cách tiếp cận phổ biến ở các nước cũng như pháp luật quốc tế⁶. Nói cách khác, vào thời điểm ký kết, các bên có lý do thoả đáng để tin rằng sự kiện bất khả kháng sẽ không diễn ra. Tính không lường trước được trong phạm vi học thuyết bất khả kháng cần được đánh giá tương đối từ góc độ pháp lý vì nếu xét ở mức độ tuyệt đối thì mọi việc xảy ra trong cuộc sống đều có thể lường trước được⁷. Chẳng hạn, các nhà khoa học đã dự báo về tính chu kỳ của các đại dịch nhưng không ai biết được chắc chắn về thời gian, địa điểm xảy ra cũng như mức độ ảnh hưởng. Do đó, sẽ không hợp lý nếu buộc các bên hợp đồng luôn phải dự liệu những sự kiện quá mơ hồ như vậy. Điều kiện cuối cùng là tính không thể khắc phục được dù bên bị thiệt hại phải cố gắng tìm kiếm các biện pháp để tránh hoặc ngăn chặn thiệt hại tối đa. Hợp đồng có giá trị ràng buộc và các bên phải nỗ lực thực hiện những gì đã cam kết cho dù quá trình thực hiện có gặp khó khăn nên nếu còn biện pháp khắc phục được mà bên bị thiệt hại chưa khai thác hết thì có nghĩa là chưa nỗ lực trong khả năng tối đa để kiểm soát thiệt hại⁸.

vấn đề miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam, Toà án nhân dân. Toà án nhân dân tối cao, 2020 – Số 6, tr. 9-17

³ Khoản 2 Điều 351 BLDS; khoản 2 Điều 584 BLDS quy định: “*Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng...*”

⁴ Trương Nhật Quang, *Vấn đề miễn trừ trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp bất khả kháng – Covid-19*. Nguồn truy cập: <http://www.lappphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210450>; điểm a khoản 2 Điều 39 và Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 22/04/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

⁵ Lưu Minh Sang, Đoàn Thanh Hải, *Dịch Covid-19 và*

⁶ Điều 1218 BLDS Pháp năm 2016. Xem thêm tại Berger, Klaus Peter, and Daniel Behn, *Force Majeure and Hardship in the Age of Corona: A Historical and Comparative Study*, McGill Journal of Dispute Resolution 6 (2020 2019): [I]-130, 34

⁷ Berger, Klaus Peter, and Daniel Behn, *Force Majeure and Hardship in the Age of Corona: A Historical and Comparative Study*, McGill Journal of Dispute Resolution 6 (2020 2019): [I]-130, 34.

⁸ Berger, Klaus Peter, and Daniel Behn, *Force Majeure and Hardship in the Age of Corona: A Historical and Comparative Study*, McGill Journal of Dispute

Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là chế định áp dụng cho những trường hợp, những biến cố xảy ra khiến cho hợp đồng tuy vẫn có thể thực hiện được về lý thuyết nhưng trên thực tế trở thành gánh nặng quá mức với bên có nghĩa vụ. Khoản 1 Điều 420 BLDS quy định các điều kiện áp dụng: (1) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng; (2) Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh; (3) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; (4) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; và (5) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích. Từ quy định này cho thấy, có một số điều kiện áp dụng chế định hoàn cảnh thay đổi cơ bản giống với chế định bất khả kháng, bao gồm tính khách quan và tính không lường trước được. Từ góc độ lý luận có thể nhận định rằng, việc đánh giá tính khách quan và không lường trước được ở hai chế định là giống nhau. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích hai điều kiện này.

2.2. Cách thức áp dụng của Tòa án

Tại tranh chấp hợp đồng trồng rừng tại mục 1.1, Tòa án nhận định rằng, việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất có tính khách quan và dựa trên căn cứ này để áp dụng Điều 420 BLDS. Việc áp dụng Điều 420 BLDS về hoàn cảnh thay đổi cơ bản để chấm dứt hợp đồng thuê khoán giữa các bên là chưa hợp lý bởi lẽ quyết định thu hồi đất khiến cho việc thực hiện hợp đồng trở nên không thể tiếp tục, do quyền sử dụng đất bị thu hồi chính

là đối tượng của hợp đồng tranh chấp. Vì vậy, Tòa án lẽ ra chỉ có thể cân nhắc áp dụng chế định bất khả kháng nếu thoả mãn các điều kiện khác ngoài điều kiện về tính khách quan.

Ngay cả khi áp dụng Điều 420 BLDS, Tòa án đã chỉ dựa vào một căn cứ duy nhất là tính khách quan của quyết định thu hồi đất mà chưa đánh giá toàn diện các điều kiện khác theo quy định của luật, trong đó bao gồm tính không lường trước được. Để đánh giá bên giao khoán có lường trước được nguy cơ bị thu hồi đất trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán với ông C hay không, trước hết cần phân tích các thoả thuận trong hợp đồng. Tòa án cần xác định bên Công ty P với tư cách là bên giao khoán có nghĩa vụ đảm bảo sử dụng ổn định đất thuê hay không? Các bên có loại trừ rủi ro này trong điều khoản miễn trừ nghĩa vụ hay không?

Nếu hợp đồng không quy định thì cần căn cứ quy định của pháp luật để xác định rủi ro bị thu hồi đất thuộc bên nào, nếu thuộc bên cho thuê khoán thì bên cho thuê phải lường trước được khi ký kết hợp đồng. Các quy định về hợp đồng thuê khoán từ Điều 483 đến Điều 493 BLDS không có quy định cụ thể về nghĩa vụ chịu rủi ro đối với tình trạng pháp lý của tài sản cho thuê khoán. Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2013 tại Chương 6 quy định các trường hợp thu hồi đất, trong đó bao gồm các trường hợp thu hồi vì các lý do khách quan như thực hiện mục đích phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia hoặc vì mục đích quốc phòng, và cả chủ quan kinh tế, quốc phòng hoặc thu hồi do vi phạm nghĩa vụ... Trường hợp thu hồi như trong vụ việc thứ nhất thuộc trường hợp để thực hiện nhiệm vụ kinh tế, do đó có tính khách quan, không xuất phát từ vi phạm của bên thuê. Tuy nhiên, vì đây là quy định pháp luật đã tồn tại vào thời điểm các bên giao kết hợp đồng thuê khoán nên bên cho thuê khoán phải lường trước được.

Resolution 6 (2020 2019): [I]-130, 33.

Hơn nữa trong vụ việc trên mặc dù bên cho thuê khoán đã thông báo cho bên kia về việc bị thu hồi đất nhưng thời điểm thông báo không có tính kịp thời. Điều 67 Luật Đất đai quy định về thủ tục khi thu hồi đất, theo đó trước khi có quyết định thu hồi đất thì “*chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm*”. Tình tiết vụ án thể hiện bên cho thuê khoán thông báo cho bên thuê vào đúng ngày Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quyết định về việc thu hồi đất. Việc thông báo như vậy là chậm trễ bởi lẽ ra khi được Nhà nước thông báo về kế hoạch thu hồi đất, bên cho thuê cần báo với bên thuê để giảm thiểu thiệt hại nếu có.

Từ những yếu tố trên chúng tôi cho rằng, không đủ điều kiện để miễn trừ nghĩa vụ cho bên cho thuê khoán khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, bởi lẽ sự kiện thu hồi đất xảy ra có tính lường trước được và bên cho thuê khoán cũng chưa áp dụng mọi biện pháp kịp thời để hạn chế thiệt hại xảy ra.

Đối với tranh chấp liên quan đến hợp đồng khai thác khoáng sản, hợp đồng cũng trở nên không tiếp tục thực hiện được do nguyên nhân khách quan là cơ quan có thẩm quyền không gia hạn giấy phép khai thác vì sự thay đổi của pháp luật. Chúng tôi đồng ý với quan điểm của Tòa án khi cho rằng việc không gia hạn được giấy phép khai thác là nằm ngoài ý muốn của Công ty DB và đây cũng là sự kiện đã được các bên dự liệu trong hợp đồng. Tuy nhiên, tương tự tranh chấp về hợp đồng thuê khoán, Tòa án phúc thẩm đã không đánh giá tính không lường trước được khi quyết định áp dụng chế định bất khả kháng. Đối với vụ việc cụ thể này, việc không gia hạn được giấy phép khai thác là không lường trước được bởi lẽ quyết định này được cơ quan

nhà nước đưa ra trên cơ sở áp dụng Thông tư mới được ban hành sau thời điểm giao kết hợp đồng.

3. Kết luận

3.1. Phân biệt bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản tuy có những điểm tương đồng nhưng là hai chế định độc lập và có mục đích áp dụng khác nhau. Điểm khác biệt cơ bản nhất là sự kiện bất khả kháng khiến cho việc thực hiện hợp đồng trở nên không thể, trong khi đó điều kiện áp dụng chế định hoàn cảnh thay đổi cơ bản là mặc dù hợp đồng vẫn có thể thực hiện được nhưng bên bị ảnh hưởng gặp nhiều khó khăn đáng kể do giá nguyên vật liệu, nhân công tăng hoặc mục đích hợp đồng không đạt được. Ở cả hai vụ việc trên, tình tiết vụ án đều cho thấy các sự kiện xảy ra đều làm triệt tiêu đối tượng giao dịch của hợp đồng là quyền sử dụng đất và quyền khai thác khoáng sản và do đó, bên cho thuê không thể thực hiện được nghĩa vụ chuyển giao tài sản thuê cho bên còn lại, tuy nhiên Tòa án áp dụng hai chế định khác nhau. Vì các sự kiện trên đều khiến cho hợp đồng không tiếp tục thực hiện được nên lẽ ra Tòa án áp dụng chế định bất khả kháng mới phù hợp.

3.2. Về việc đánh giá tính không lường trước được

Tính không lường trước được có thể được xác định bằng cách trả lời câu hỏi sự kiện xảy ra tác động đến hợp đồng có thuộc phạm vi rủi ro của một bên nào đó trong hợp đồng hay không? Nếu câu trả lời là có thì rủi ro xảy ra có tính lường trước được. Phạm vi rủi ro được xác định trước hết thông qua thoả thuận của các bên trong hợp đồng, thường xuất hiện ở điều khoản về nghĩa vụ của các bên hoặc điều khoản bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Nếu các bên không có thoả thuận thì Tòa án cần tiếp tục xác định rủi ro bằng cách đối chiếu các quy định pháp luật về phân chia rủi ro

trong pháp luật thực định có liên quan như Luật dân sự, Luật đất đai.

Tính khách quan và không lường trước được cần được đánh giá độc lập; hay nói cách khác, một sự kiện xảy ra khách quan không có nghĩa là không lường trước được. Chẳng hạn, ở hai vụ việc trên, sự việc không được gia hạn giấy phép khai thác mỏ và bị thu hồi đất thuê đều là các sự kiện gây ra khách quan bởi cơ quan nhà nước và thuộc các trường hợp mà bên bị thiệt hại không có lỗi. Tuy nhiên, ở vụ việc thứ nhất, rủi ro bị Nhà nước thu hồi đất thuộc phạm vi rủi ro mà bên bị ảnh hưởng phải tính toán đến khi ký kết hợp đồng vì có các quy định pháp luật về căn cứ cũng như thủ tục thu hồi đất tồn tại vào thời điểm các bên ký kết hợp đồng, do đó việc bị thu hồi đất là lường trước được. Trong khi đó, việc không được gia hạn giấy phép xuất phát từ nguyên nhân là có văn bản pháp luật mới ban hành sau thời điểm ký kết hợp đồng nên bên bị ảnh hưởng không thể lường trước được.

3.3. Về cách thức áp dụng

Các quy định về sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong BLDS là các quy phạm pháp luật có tính mặc định, nghĩa là mặc nhiên áp dụng ngay cả khi các bên không có thoả thuận cụ thể trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi các bên có thoả thuận cụ thể thì cần ưu tiên áp dụng điều khoản trong hợp đồng⁹. Thoả thuận của các bên có thể tương tự hoặc khác với quy định của pháp luật¹⁰. Trên thực tế, các điều khoản này

có thể bao gồm mô tả các đặc điểm của sự kiện bất khả kháng và liệt kê những sự kiện cụ thể. Trường hợp các quy định trong hợp đồng không rõ ràng thì việc áp dụng đặt ra yêu cầu giải thích hợp đồng từ phía cơ quan giải quyết tranh chấp. Thực tế áp dụng ở hai vụ việc trên cho thấy ngay cả khi các bên có quy định điều khoản bất khả kháng trong hợp đồng thì Toà án có xu hướng viện dẫn quy định pháp luật thực định để lý giải các điều kiện áp dụng.

Mặc dù cùng là quy phạm mặc định nhưng điều kiện áp dụng chế định hoàn cảnh thay đổi cơ bản có điểm khác biệt là Toà án chỉ được viện dẫn sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng khi có đề nghị của một trong hai bên tranh chấp. Trong vụ việc thứ nhất, mặc dù không bên nào yêu cầu nhưng Toà án đã tự mình đánh giá các điều kiện và áp dụng Điều 420 BLDS để chấm dứt hợp đồng.

Bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản là hai chế định có ý nghĩa hỗ trợ các bên trong hợp đồng khi việc thực hiện hợp đồng trở nên không thể hoặc trở thành một gánh nặng quá mức. Các chế định trên chỉ được cân nhắc áp dụng khi sự kiện bất ngờ xảy ra là rủi ro chưa được phân định theo hợp đồng và theo pháp luật. Hai chế định này có một số điều kiện áp dụng giống nhau như tính khách quan và tính không lường trước được của sự kiện bất ngờ. Những điều kiện này có tính trừu tượng và kết quả cuối cùng phụ thuộc vào tình tiết vụ việc cũng như cách đánh giá của Toà án. Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể là không lường trước được trong vụ việc này, nhưng là lường trước được trong một vụ việc khác. Để đảm bảo tính ổn định của các quan hệ hợp đồng và tránh trường hợp viện dẫn các chế định này để giải phóng khỏi nghĩa vụ hợp đồng, Toà án cần đánh giá đầy đủ và cân trọng các điều kiện mà pháp luật quy định./.

⁹ Trương Nhật Quang, *Vấn đề miễn trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp bất khả kháng – Covid-19*. Nguồn truy cập: <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210450> truy cập vào ngày 01/8/2021; Lưu Minh Sang, Đoàn Thanh Hải, *Dịch Covid-19 và vấn đề miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam*, Toà án nhân dân. Toà án nhân dân tối cao, 2020, Số 6, tr. 9-17

¹⁰ Theo khoản 2 Điều 351 BLDS 2015: “Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.